

Bản án số: 49/2022/DSST

Ngày 20-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và Hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HPT ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Thông báo mở phiên tòa số 20/2022/TB-MPT ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 468/8/8 đường Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Hồng T, sinh năm 1961

Địa chỉ: số 17 đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T

Địa chỉ: 183 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hồng T; Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

2. Bà Văn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 468/8/8 đường Bình Giã, phường Nguyễn An Ninh , thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 17 đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954

Địa chỉ: 25 đường Trần Quang Diệu, Phường 9, thành phố Vũng Tàu , tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-6-2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Huy T là nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 05-5-2013, Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T (gọi tắt là Công ty Đức T) và ông T có ký Hợp đồng góp vốn số 01 ngày 05-5-2013. Nội dung hợp đồng góp vốn thể hiện: ông T, công ty Đức T và ông B cùng nhau góp vốn, mỗi bên góp vốn số tiền 300.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc) giao cho Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T đứng tên, điều hành kinh doanh khai thác và hàng tháng chia lợi nhuận mỗi bên 20.000.000 đồng, cụ thể xe biển số 72B-00557.

Ngày 10-8-2013, Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T và ông T có ký Hợp đồng góp vốn số 01. Nội dung hợp đồng góp vốn thể hiện: ông T, công ty Đức T và ông B cùng nhau góp vốn, mỗi bên góp vốn số tiền 497.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc) giao cho Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T đứng tên và điều hành kinh doanh khai thác và hàng tháng chia lợi nhuận mỗi bên 20.000.000 đồng, cụ thể xe biển số 72B-008.14.

Qua 02 lần góp vốn, tổng số tiền ông T góp vốn là 797.000.000 đồng nhưng ông T chỉ nhận được mấy tháng tiền lợi nhuận, còn thời gian sau Công ty Đức T không trả nên ông T có tố cáo ông T đến Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tại Công an ngày 20-4-2021, ông T viết giấy cá nhân ông T nhận trách nhiệm thanh toán tiền góp vốn ban đầu mua xe của ông T đối với Công ty Đức T và hẹn 20-6-2021 trả nhưng ông T vẫn không trả.

Từ ngày 29-6-2013 đến nay, ông Phan Hồng T có vay của vợ chồng ông T tổng số tiền 360.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi xuất trên giấy tờ. Quá trình ông T vay, vợ chồng ông T đã yêu cầu trả nhiều lần nhưng ông T cứ hứa hẹn không trả, cụ thể là tại giấy cam kết ngày 20-4-2021, ông T hứa đến ngày 20-6-2021 trả nhưng không trả. Ngày 25-02-2017, ông T xác nhận nợ tiền của vợ chồng ông T cả gốc và lãi là 524.000.000 đồng và hẹn 15 ngày sau trả nhưng cũng không trả.

Việc góp vốn và việc ông T vay tiền, không liên quan đến bà Nguyễn Thị L (vợ ông T) và theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu cả Công ty Đức T có trách nhiệm trả tiền

góp vốn nhưng đến nay ông T chỉ yêu cầu cá nhân ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T và bà H.

Từ những lý do trên và những chứng cứ trên, ông T yêu cầu Tòa giải quyết:

Yêu cầu cá nhân ông Phan Hồng T phải trả cho ông T và bà Văn Thị H số tiền vay là 360.000.000 đồng, ông T bà H không yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền này. Yêu cầu ông T phải trả cho ông T bà H số tiền góp vốn ban đầu là 797.000.000 đồng.

Bà Văn Thị H trình bày:

Bà H là vợ của ông T, vợ chồng bà H có góp vốn vào Công ty Đức T số tiền 797.000.000 đồng và có cho ông T vay số tiền 360.000.000 đồng. Đối với số tiền góp vốn, ông T đã nhận trách nhiệm cá nhân trả cho vợ chồng bà H. Vì vậy, bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T là yêu cầu ông T phải trả cho ông T bà H số tiền góp vốn ban đầu là 797.000.000 đồng và số tiền vay là 360.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu ông T trả tiền lãi đối với số tiền vay 360.000.000 đồng. Bà H xác định, vợ ông T không liên quan đến vụ việc này.

Ông Nguyễn Văn B trình bày:

Theo Hợp đồng góp vốn số 01 ngày 05-5-2013, ông B có góp vốn số tiền 300.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc) giao cho Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T đứng tên và điều hành kinh doanh khai thác, cụ thể xe biển số 72B-00557. Ngày 10-8-2013, ông B cũng góp số tiền 497.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc) giao cho Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T đứng tên và điều hành kinh doanh khai thác, cụ thể xe biển số 72B-008.14. Ông T cũng góp vốn giống ông B theo như 02 Hợp đồng góp vốn trên. Ông T và ông B mỗi người góp 797.000.000 đồng vào Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T. Ông B không có ý kiến gì, đối với số tiền góp vốn của ông B, sau này khi có yêu cầu ông B sẽ khởi kiện ông T bằng vụ án khác. Ông B cũng không có yêu cầu hay ý kiến gì về 02 chiếc xe góp vốn trên, sau này nếu có yêu cầu thì ông B sẽ yêu cầu Công ty Đức T trả bằng tiền.

Đến thời điểm mở phiên tòa, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Tại phiên tòa: Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về việc đề án quá hạn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX: Buộc ông Phan Hồng T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huy T và bà Văn Thị H

tổng số tiền nợ gốc và tiền góp vốn là 1.157.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu đồng); Trong đó: số tiền nợ gốc là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền góp vốn là 797.000.000đ (Bảy trăm, chín mươi bảy triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Huy T khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn và Hợp đồng vay tài sản”, hợp đồng được thực hiện tại thành phố Vũng Tàu, Công ty TNHH Vận tải Dịch vụ Thương mại Đức T có trụ sở tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, Công ty Đức T, ông Phan Hồng T và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho Công ty Đức T, ông Phan Hồng T và bà Nguyễn Thị L theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu có đưa Công ty Đức T tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án, tuy nhiên hiện nay ông T và bà H xác định chỉ khởi kiện ông Phan Hồng T và yêu cầu cá nhân ông T thực hiện nghĩa vụ nên Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xác định Công ty Đức T không phải là bị đơn mà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Do hợp đồng góp vốn liên quan đến ông B, vì vậy Hội đồng xét xử xác định ông B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về tính hợp pháp của Hợp đồng góp vốn:

Các hợp đồng góp vốn giữa Công ty Đức T và ông Nguyễn Huy T ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, căn cứ qui định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 các hợp đồng này là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ông Phan Hồng T trả cho ông T và bà H số tiền góp vốn 797.000.000 đồng:

Hợp đồng góp vốn số 01 ngày 05-5-2013 ký giữa Công ty Đức T và ông T thể hiện: ông T, công ty Đức T và ông B cùng nhau góp vốn, mỗi bên góp vốn số tiền 300.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc)

giao cho Công ty Đức T đứng tên, điều hành kinh doanh khai thác và hàng tháng chia lợi nhuận mỗi bên 20.000.000 đồng, cụ thể xe biển số 72B-00557. Hợp đồng góp vốn số 01 ngày 10-8-2013 thể hiện: ông T, công ty Đức T và ông B cùng nhau góp vốn, mỗi bên góp vốn số tiền 497.000.000 đồng để mua xe khách giường nằm hiệu Daewoo (hiệu xe Trung Quốc) giao cho Công ty Đức T đứng tên và điều hành kinh doanh khai thác và hàng tháng chia lợi nhuận mỗi bên 20.000.000 đồng, cụ thể xe biển số 72B-008.14. Như vậy, căn cứ 02 hợp đồng góp vốn; căn cứ lời khai ngày 20-4-2021 của ông T tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định, tổng số tiền ông T góp vốn vào Công ty Đức T là 797.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà H không yêu cầu Tòa án xem xét 02 chiếc xe Daewoo biển số 72B-00557 và 72B-008.14 vì cho rằng hiện nay 02 xe này không còn và không yêu cầu xem xét khoản tiền lợi nhuận khi góp vốn kinh doanh. Ông T và bà H chỉ yêu cầu ông T trả khoản tiền góp vốn ban đầu là 797.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy bản bạc viết tay ngày 20-4-2021 do ông Phan Hồng T viết và ký, ông T xác định: ông T nhận trách nhiệm thanh toán tiền góp vốn mua xe Daewoo biển số 72B-00557 và 72B-008.14 của ông T đối với Công ty là khoản tiền góp vốn ban đầu của 02 xe và hẹn ngày 20-6-2021 trả. Như vậy, từ khoản tiền góp vốn vào Công ty Đức T, ông T đã nhận trách nhiệm cá nhân ông T thanh toán số tiền góp vốn ban đầu cho ông T là 797.000.000 đồng và hiện nay ông T bà H cũng chỉ yêu cầu cá nhân ông T có trách nhiệm trả khoản tiền này cho ông T bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông T bà H.

[2.3] Xét yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng:

Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền ngày 05-6-2013, giấy cam kết ngày 20-4-2021, giấy xác nhận nợ tiền vay ngày 25-02-2017 và lời khai ngày 20-4-2021 của ông T tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác định: ông T vay của ông T và bà H tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Các giấy vay tiền ngày 05-6-2013, giấy cam kết ngày 20-4-2021 và giấy xác nhận nợ tiền vay ngày 25-02-2017 này là do ông T viết và ký xác nhận nên có cơ sở khẳng định lời khai của ông T và bà H là có căn cứ. Ông T viết giấy mượn tiền và giấy cam kết là đồng ý xác nhận số nợ với ông T bà H.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, quan hệ vay tiền giữa ông T bà H và ông T là có thật đúng như lời trình bày của ông T và bà H. Ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T phải có trách nhiệm trả cho ông T và bà H số tiền nợ gốc là 360.000.000 đồng. Ông T và bà H không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi đối với số tiền này.

[3] Đối với việc góp vốn giữa ông B và Công ty Đức T, ông B không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H được chấp nhận T bộ nên ông T phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 1.157.000.000 đồng là 46.710.000đ (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm mười ngàn đồng)

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Huy T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử;

1. Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn với ông Phan Hồng T.

Buộc ông Phan Hồng T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huy T và bà Văn Thị H tổng số tiền nợ gốc và tiền góp vốn là 1.157.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu đồng); Trong đó: số tiền nợ gốc là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền góp vốn là 797.000.000đ (Bảy trăm, chín mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Hồng T phải nộp 46.710.000đ (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm mười ngàn đồng).

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Huy T số tiền tạm ứng án phí 23.355.000đ (Hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001206 ngày 06-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đắc Liệt

Vũ Xuân Miện

Phạm Thanh Mai